

DẠY HỌC LÀM VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI LỚP 12 THEO QUAN ĐIỂM GIAO TIẾP

TRẦN KIM THƯ

Thạc sĩ, Trường THCS-THPT Mỹ Phước

NGUYỄN THANH NIÊN

Phòng GD&ĐT Mang Thít

Ngày nhận bài: 16/4/2019 - Ngày gửi phản biện: 18/4/2019

Tóm tắt

Phần Làm văn nghị luận xã hội (NLXH) giữ vai trò quan trọng trong chương trình dạy học ở trung học cơ sở (THCS) và trung học phổ thông (THPT). Tuy nhiên, trong thực tế, học sinh rất hạn chế về kiến thức xã hội nên nghèo dẫn chứng thực tế; khả năng giải thích, phân tích vấn đề xã hội còn hạn hẹp; chưa xem trọng kỹ năng tạo lập ý nên bố cục của bài viết không rõ ràng, ý sai lệch,... Đặc biệt, khi trình bày một ý kiến nào đó thì không biết trình bày sao cho đúng, cho thuyết phục, lập luận còn quá lủng củng,... Hay nói cách khác là học sinh còn rất yếu trong kỹ năng giao tiếp - nhất là giao tiếp về kiến thức xã hội.

Từ khóa: *Nghị luận xã hội; Quan điểm giao tiếp; Làm văn*

Abstract

Argumentative writing on social issues plays an important role in lower secondary and upper secondary education curriculum. However, in reality, students are very limited in social knowledge, so they lack practical evidence as well as the ability to explain and analyze social problems. Students may not have enough consideration for thinking about ideas and making outlines. Therefore, the layout of the article is not clear enough, which may lead to unclarified idea developments. In particular, when presenting a certain idea, students may not know how to present it properly as well as the argument is so shabby that it becomes difficult to convince the reader. In other words, students are very weak in communication skills - especially about social communication.

Keywords: *Argumentative writing on social issues; Communication perspective; Writing*

1. Đặt vấn đề

Bản chất của Làm văn nói chung, NLXH nói riêng là một hoạt động giao tiếp. Làm văn là quá trình tạo lập văn bản phục vụ cho hoạt động giao tiếp. Vì thế dạy học Làm văn không

nên tách rời hoạt động giao tiếp, Làm văn cần được dạy trong hoạt động giao tiếp và bằng giao tiếp để hình thành ở học sinh kỹ năng, kỹ xảo vận dụng kiến thức vào trong mỗi hoàn cảnh để giao tiếp. Dạy học Làm văn cần được

xem là dạy một hoạt động giao tiếp, dạy nhằm vào mục đích giao tiếp của người học, dạy để người học có thể giao tiếp với cộng đồng, có thái độ đúng trước các tình huống xảy ra trong cuộc sống. Quan điểm giao tiếp có thể chi phối toàn bộ các phân môn Ngữ văn trong đó có Làm văn nói chung và văn NLXH nói riêng. Dạy Làm văn NLXH theo quan điểm giao tiếp đáp ứng yêu cầu đổi mới theo hướng hình thành và phát triển năng lực của học sinh, góp phần tích cực vào việc rèn luyện kỹ năng tạo lập ngôn bản; hình thành thế giới quan khoa học và hoàn thiện nhân cách người học sinh. Dạy học Làm văn NLXH lớp 12 theo quan điểm giao tiếp là hợp lý vì đó là bước chuyển để học sinh bước vào ngưỡng cửa của cuộc đời. Có kiến thức xã hội, các em sẽ có nền tảng để tồn tại và phát triển. Ngoài ra, dạy học Làm văn NLXH lớp 12 theo quan điểm giao tiếp còn góp phần hoàn thiện quá trình tổ chức dạy học Làm văn nghị luận hiện nay. Tư tưởng chủ đạo của việc dạy học này chính là lấy giao tiếp làm môi trường, cách thức và mục đích cho toàn bộ quá trình dạy học, giúp cho con người nhận thức đúng đắn các lĩnh vực của đời sống và hướng dẫn, thúc đẩy hoạt động thực tiễn của con người.

Từ những vấn đề nói trên, tôi nhận thấy rằng quan điểm giao tiếp đóng vai trò quan trọng trong việc dạy và học Làm văn. Phương pháp giao tiếp sẽ phát huy được khả năng sử dụng ngôn ngữ cho học sinh, phát huy tư duy sáng tạo, đồng thời tạo hứng thú cho học sinh trong các giờ học Làm văn.

2. Quan điểm giao tiếp trong dạy học Làm văn NLXH

2.1. Khái niệm về quan điểm giao tiếp

Giao tiếp là một vấn đề quan trọng đối với các nhà nghiên cứu. Vì vậy, có rất nhiều

người nói về giao tiếp và khi nói về giao tiếp có nhiều quan điểm khác nhau nhưng có cùng điểm chung: Giao tiếp là quá trình tiếp xúc tâm lý giữa con người và con người nhằm mục đích trao đổi thông tin về tư tưởng, tình cảm, vốn sống, kinh nghiệm, kỹ năng, thái độ,... Trong đó, ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp quan trọng nhất của con người.

Theo GS. Lê A trong *Tạp chí Ngôn ngữ số 4* (năm 2001), quan điểm giao tiếp trong tiếng Việt được thể hiện: “*Dạy học tiếng Việt là dạy học hoạt động giao tiếp, trong giao tiếp và bằng giao tiếp nhằm củng cố nâng cao năng lực giao tiếp của học sinh*”.

Bùi Minh Toán trong quyển “*Từ trong hoạt động giao tiếp*” cho rằng: “*Giao tiếp chính là sự tiếp xúc, giao lưu giữa người và người trong xã hội, qua đó con người bộc lộ và truyền đạt cho nhau những nhận thức, tư tưởng và những tình cảm, thái độ đối với nhau và đối với điều được truyền đạt. Con người có thể dùng nhiều phương tiện để giao tiếp. Có phương tiện thô sơ đơn giản như cử chỉ, điệu bộ, nét mặt; có phương tiện kỹ thuật tinh vi, hiện đại như dùng các tính hiệu vô tuyến viễn thông. Trong đó, ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp quan trọng nhất*”.

Từ các ý kiến trên, chúng tôi đưa ra quan điểm giao tiếp về Làm văn NLXH như sau: “*Dạy Làm văn NLXH theo quan điểm giao tiếp thực chất cũng là dạy vì mục đích giao tiếp, dạy về giao tiếp và dạy trong giao tiếp. Giáo viên dạy cho học sinh được học, được tập giao tiếp ở trong bài học, ở lớp để rồi biết cách điều chỉnh giao tiếp trong thực tế cuộc sống hàng ngày; biết sử dụng ngôn ngữ để nói - viết đúng vai, đúng mục đích với người xung quanh; biết nêu nhận xét, đánh giá, trình*

bày suy nghĩ, cảm xúc, thái độ nhận thức cái đúng, cái sai,... trước một tư tưởng, đạo lý hay một hiện tượng đời sống để nhìn mình và khẳng định mình. Ngoài ra, khi dạy Làm văn NLXH theo quan điểm giao tiếp là giáo viên phải giúp học sinh nói, viết đều phải hướng về mục đích giao tiếp. Dù giao tiếp miệng hay là giao tiếp viết chúng ta đều phải tạo ra sản phẩm ngôn ngữ với dung lượng lớn nhỏ. Lời nói được thể hiện dưới hình thức là nói hay viết thường là một chuỗi câu, một văn bản. Vì thế, văn bản NLXH phải được xem là sản phẩm dùng để giao tiếp”.

2.2. Thực trạng dạy Làm văn NLXH theo quan điểm giao tiếp

Về phía học sinh, nhìn chung các em còn rất yếu về lĩnh vực này. Nhiều học sinh còn chưa nhận ra mức độ khó của đề bài NLXH nên vẫn còn tỏ ra xem thường. Nhiều em khác có ý thức thì tỏ ra hoang mang lo lắng, không biết làm thế nào để làm tốt bài Làm văn NLXH.

Về phía giáo viên, nhiều người vẫn chưa tập huấn dạy Làm văn NLXH là dạy như thế nào. Giáo viên chỉ biết tận dụng kiến thức có sẵn về phương pháp dạy học Làm văn đã học ở trường đại học cộng với những kinh nghiệm giảng dạy của bản thân trong nhiều năm qua. Một bộ phận giáo viên cho rằng, NLXH là phải bàn về những vấn đề của xã hội,... Cứ thế mà dạy. Đây cũng là một cái khó của giáo viên vì kiến thức xã hội quá rộng, quá nhiều, làm sao biết mảng nào, phạm vi nào là trọng tâm để dạy học sinh. Thời gian lên lớp thì có hạn, giáo viên phải tập trung vào dạy những kiến thức đã được biên soạn sẵn ở sách giáo khoa đúng theo quy định, giáo viên không có thời gian thừa để cung cấp nhiều kiến thức hơn nữa cho học sinh. Ngoài những kiến thức chung

ở sách giáo khoa, giáo viên ai cũng dạy tràn lan, dạy theo ngẫu hứng,... Như thế, lâu dần rơi vào suy nghĩ dạy đề đối phó các kỳ thi, ai ôn trúng thì nhờ còn không thì phải chịu. Một cái khó nữa là lý thuyết Làm văn NLXH có chỉ rõ, có hướng dẫn cách làm ở từng kiểu bài nhưng còn quá chung chung, chưa thật sự thống nhất chung. Vì thế, mỗi giáo viên có mỗi cách chỉ dẫn khác nhau. Học sinh học ai thì sẽ làm theo chỉ dẫn của người đó. Đôi lúc, học sinh hoang mang không biết cách làm nào là đúng, dẫn đến học sinh không tin tưởng vào giáo viên và giáo viên cũng chẳng biết làm sao để thuyết phục học sinh vì giáo viên chưa có một kim chỉ nam thống nhất về cách Làm văn NLXH cho từng kiểu bài.

Qua thực tế điều tra, chúng tôi nhận thấy một số nguyên nhân dẫn đến thực trạng trên là:

- *Thứ nhất*, do học sinh hạn chế về kiến thức xã hội nên nghèo dẫn chứng thực tế; khả năng giải thích, phân tích vấn đề xã hội cũng hạn chế; kỹ năng xây dựng tạo lập ý của các em còn lúng túng nên bố cục của bài viết không rõ ràng, ý sai lệch; khả năng viết đoạn, tạo lập văn bản của học sinh còn yếu,... Tất cả những vấn đề trên dẫn đến việc các em ngán ngại viết bài Làm văn NLXH.

- *Thứ hai*, nhiều học sinh còn thụ động thiếu sáng tạo, không biết tự học; chỉ học những gì giáo viên cung cấp, nhu cầu tìm hiểu, khám phá nghiên cứu vấn đề còn hạn chế,... Thực trạng này dẫn đến bài viết của học sinh thiếu tính thuyết phục và không đạt yêu cầu.

- *Thứ ba*, về chương trình và sách giáo khoa, mặc dù có sự phân chia cụ thể cho từng kiểu bài nhưng nội dung bài dạy không xác định rõ các bước thực hiện, chưa dạy cho học sinh cách làm. Hay nói cách khác, là chưa

cung cấp được chìa khóa để giáo viên và học sinh mở cửa phần NLXH một cách thống nhất. Hơn nữa, thời lượng cho một bài dạy quá ngắn, không đủ cho học sinh thực hành.

- *Thứ tư*, phương pháp dạy học của giáo viên chỉ khai thác bài học theo trình tự các câu hỏi trong sách giáo khoa, ít chú ý dạy cách làm. Do đó, khi giáo viên cho ngữ liệu khác thì các em không giải quyết được. Phần bài tập để củng cố lý thuyết nhưng giáo viên yêu cầu học sinh về nhà làm. Trong quá trình dạy học, giáo viên thường sử dụng phương pháp diễn giảng và vấn đáp. Hai phương pháp này chưa phát huy được tính tích cực của học sinh, chưa rèn cho học sinh kỹ năng giao tiếp. Thỉnh thoảng, giáo viên cho học sinh thảo luận nhóm nhưng không mang lại hiệu quả cao. Việc chấm bài viết cho học sinh, giáo viên có chú ý đến lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,... nhưng chưa có giải pháp sửa lỗi cho học sinh. Đối với việc nhận xét bài viết, giáo viên có ghi nhận xét khi chấm bài của học sinh nhưng lời nhận xét chung chung. Bên cạnh đó, giáo viên chưa yêu cầu học sinh tự chữa lỗi của mình, chưa chú ý khích lệ mặt tốt và chỉ rõ mặt sai sót (nội dung lẫn hình thức diễn đạt) trong bài viết của học sinh. Trong giờ trả bài viết, thường giáo viên lập dàn ý mẫu cho học sinh, chứ chưa tạo cho học sinh ý thức tự lập dàn ý rồi giáo viên chỉnh sửa lại.

3. Giải pháp nâng cao hiệu quả dạy học Làm văn NLXH lớp 12 theo quan điểm giao tiếp

Để nâng cao hiệu quả dạy học làm văn NLXH lớp 12 theo quan điểm giao tiếp, đòi hỏi người dạy cần có những giải pháp cụ thể như sau:

Một là, giáo viên phải thay đổi phương pháp dạy học. Giáo viên không thể thuyết giảng

và vấn đáp một chiều, giáo viên phải tạo cho học sinh cơ hội trao đổi, bàn luận cùng nhau khám phá nội dung bài học, phải tạo ra các tình huống giao tiếp, cần đưa ra những câu hỏi có vấn đề để học sinh trao đổi, thảo luận. Khi được đặt vào trong những tình huống cụ thể thì học sinh vừa phải tư duy để chiếm lĩnh kiến thức, vừa phải sử dụng vốn ngôn ngữ để diễn đạt những kiến thức ấy sao cho hay, cho phù hợp. Từ đó, giúp cho học sinh không những hiểu được vấn đề mà còn rèn luyện được các kỹ năng Làm văn ở cả dạng nói và dạng viết.

Hai là, giáo viên trang bị cho học sinh kiến thức về hai dạng đề: Nghị luận về tư tưởng đạo lý và nghị luận về một hiện tượng đời sống. Sau đó cho học sinh hợp tác, trao đổi tìm ra điểm khác nhau giữa hai dạng đề (giáo viên chỉ đóng vai trò nhận xét và hướng dẫn). Với việc làm này, các em có thể vững vàng trong quá trình lập dàn ý.

Ví dụ: Giáo viên cung cấp cho học sinh những đề tài thường gặp của dạng đề: Nghị luận về tư tưởng đạo lý và nghị luận về một hiện tượng đời sống.

*** Những đề tài thường gặp của dạng đề nghị luận về một tư tưởng, đạo lý:**

- **Sống đẹp:** Sống có lý tưởng, có mục đích cao đẹp, có lòng yêu thương, có nghị lực, sống biết tranh đấu,...

- **Đức tính, phẩm chất con người:** Lòng yêu thương (con người, dân tộc, quê hương), lòng vị tha, lòng trung thực, dũng cảm,...

- **Thói xấu của con người:** Vô cảm, ích kỷ, phản bội, bất hiếu, nhẫn tâm,...

- **Mối quan hệ, tình cảm:** Tình mẫu tử, phụ tử, anh em; tình đồng bào, thầy trò, tình bạn,...

- **Học tập:** Sách (vai trò-tác dụng của sách,...); mục đích học tập; phương pháp học,...

↪ Đối với dạng đề này, luận đề được thể hiện qua:

- Một khái niệm: Luận đề là nội dung của khái niệm (ví dụ: tính trung thực, lòng vị tha,...)

- Một lời phát biểu - câu tục ngữ, danh ngôn: Luận đề là nội dung của lời phát biểu được thể hiện qua cách nói hình ảnh, cảm xúc (ví dụ: “*Lá lành đùm lá rách*”; “*Đường tuy gần, không đi không đến. Việc tuy nhỏ, chẳng làm chẳng nên*” (Tuân Tử),...).

- Giá trị thời gian của câu nói, khái niệm,...

* Những đề tài thường gặp của dạng đề nghị luận về một hiện tượng đời sống

- Hiện tượng có ý nghĩa tích cực: Chấp hành tốt luật giao thông, tuyên truyền, bảo vệ an toàn giao thông,...; giúp đỡ người khác (trẻ em cơ nhỡ, người già neo đơn, người bất hạnh,...), hiến máu cứu người...; hành động vì môi trường sống, vì màu xanh của trái đất; tiếp sức đến trường,...

- Hiện tượng đáng phê phán: Bạo hành trong gia đình; bạo lực học đường; gian lận thi cử; lãng phí; gia tăng dân số; tàn phá môi trường (rác thải, phá rừng, ô nhiễm nguồn

nước, không khí, hiệu ứng nhà kính,...); sống thử; đua đòi, lai căng; nghiện game,...

↪ Đối với dạng đề này, luận đề là hiện tượng đời sống đang diễn ra.

Ba là, giáo viên chia nhóm để học sinh tìm hiểu, sưu tập những dẫn chứng phục vụ cho một đề bài cụ thể: Dẫn chứng trong văn học, trong đời sống thực tiễn (chủ yếu là trong đời sống thực tiễn),...

Bốn là, giáo viên tổ chức cho học sinh lập ý. Giáo viên ra một hoặc hai đề và chia cho các nhóm, đảm bảo một đề bài có hai nhóm tìm hiểu lập ý. Trong quá trình phân nhóm, giáo viên nên chú ý đến yêu cầu hài hòa trong nhóm (có học sinh khá và trung bình yếu để hỗ trợ lẫn nhau). Giáo viên tập hợp và chọn một dàn ý hay, phù hợp để các em tiến hành viết đoạn và cho các em trình bày tại lớp trong các tiết tự chọn hay những tiết ôn tập. Việc làm này, sẽ giúp giáo viên phát hiện những học sinh có khả năng làm bài tốt để rèn luyện, nâng cao cho các em. Không nhất thiết học sinh phải viết tất cả các luận điểm. Mục đích của công việc này là giúp các em rèn luyện kỹ năng xây dựng đoạn văn, bài văn hoàn chỉnh.

Bảng so sánh kỹ năng làm bài nghị luận về một tư tưởng đạo lý và nghị luận về một hiện tượng đời sống

Các bước	Kỹ năng làm bài nghị luận về một tư tưởng, đạo lý	Kỹ năng làm bài nghị luận về một hiện tượng đời sống
Bước 1 Tìm hiểu đề	Xác định ba yêu cầu: - Yêu cầu về nội dung: Vấn đề cần nghị luận là gì? (Lý tưởng (lẽ sống); Cách sống; Hoạt động sống; Mối quan hệ trong cuộc đời giữa con người với con người (cha con, vợ chồng, anh em và những người thân thuộc khác). Ở ngoài xã hội có các quan hệ:	Xác định ba yêu cầu: - Yêu cầu về nội dung: Hiện tượng cần bàn luận là hiện tượng nào (hiện tượng tốt đẹp, tích cực trong đời sống hay hiện tượng mang tính chất tiêu cực, đang bị xã hội lên án, phê phán)? Có bao nhiêu ý cần triển khai trong bài viết? Mối quan hệ giữa các ý như thế nào?

	tình làng nghĩa xóm, thầy trò, bạn bè,...)? Có bao nhiêu ý cần triển khai trong bài viết? Mỗi quan hệ giữa các ý như thế nào? - Yêu cầu về phương pháp: Các thao tác nghị luận chính cần sử dụng? (giải thích, chứng minh, bình luận,...). - Yêu cầu về phạm vi dẫn chứng: Trong văn học, trong đời sống thực tiễn (chủ yếu là trong đời sống thực tiễn).	- Yêu cầu về phương pháp: Các thao tác nghị luận chính cần sử dụng? (giải thích, chứng minh, bình luận,...). - Yêu cầu về phạm vi dẫn chứng: Trong văn học, trong đời sống thực tiễn (chủ yếu là trong đời sống thực tiễn).
Bước 2 Lập dàn ý	a) <i>Mở bài:</i> - Giới thiệu tư tưởng, đạo lý cần nghị luận. - Nêu khái quát nội dung, ý nghĩa tư tưởng, đạo lý. b) <i>Thân bài:</i> Cần trình bày các ý chính sau: - <i>Giải thích tư tưởng, đạo lý cần bàn luận:</i> Lý giải từ ngữ, điển tích, khái niệm, đi vào nghĩa đen, nghĩa bóng, nghĩa hẹp, nghĩa mở rộng, đi vào những cách nói tế nhị bóng bẩy để hiểu được đến nơi đến chốn luận đề được đưa ra nhằm xác lập một cách hiểu đúng đắn, sâu sắc có biện chứng tránh cách hiểu sai, hiểu không đầy đủ, không hết ý. Bước kết thúc của thao tác giải thích là rút ra được ý nghĩa của luận đề. - <i>Phân tích, chứng minh vấn đề bằng những dẫn chứng cụ thể:</i> + Làm sáng tỏ chân lý bằng các dẫn chứng và lý lẽ. + Tìm hiểu điều cần phải chứng minh, không chỉ bản thân mình hiểu mà còn phải làm cho người khác thống nhất, đồng tình với mình cách hiểu đúng nhất.	a) <i>Mở bài:</i> Giới thiệu hiện tượng đời sống cần nghị luận. b) <i>Thân bài</i> - Khái niệm và bản chất của hiện tượng (giải thích); mô tả được hiện tượng. - Nêu thực trạng và nguyên nhân (khách quan - chủ quan) của hiện tượng bằng các thao tác phân tích, chứng minh. - Nêu tác dụng - ý nghĩa (nếu là hiện tượng tích cực); tác hại - hậu quả (nếu là hiện tượng tiêu cực). - Giải pháp phát huy (nếu là hiện tượng tích cực); biện pháp khắc phục (nếu là hiện tượng tiêu cực).

	+ Lựa chọn dẫn chứng: Từ thực tế cuộc sống rộng lớn, tư liệu lịch sử rất phong phú, ta phải tìm và lựa chọn từ trong đó những dẫn chứng xác đáng nhất, tiêu biểu, toàn diện nhất. Dẫn chứng phải thật sát với điều đang muốn làm sáng tỏ và kèm theo dẫn chứng phải có lý lẽ phân tích - chỉ ra những nét, những điểm ta cần làm nổi bật trong các dẫn chứng kia. Để dẫn chứng và lý lẽ có sức thuyết phục cao, ta phải sắp xếp chúng thành hệ thống mạch lạc và chặt chẽ; theo trình tự thời gian, không gian, từ xưa đến nay, từ xa đến gần, từ ngoài vào trong hoặc ngược lại,... miễn sao hợp logic. - <i>Bình luận (bàn bạc, mở rộng vấn đề)</i>: Phải bày tỏ thái độ, để khách quan và tránh phiến diện, phải xem xét kỹ luận đề từ đó có thái độ đúng đắn. - Bày tỏ thái độ: Có 3 khả năng: + Hoàn toàn nhất trí. + Chỉ nhất trí một phần (có giới hạn, có điều kiện). + Không chấp nhận (bác bỏ). - Sau đó, bình luận, mở rộng lời bàn để vấn đề được nhìn nhận sâu hơn, toàn diện hơn, triệt để hơn. c) Kết bài - Bày tỏ ý kiến bản thân về tư tưởng, đạo lý vừa nghị luận. - Rút ra bài học về nhận thức và hành động cho bản thân	c) Kết bài - Bày tỏ ý kiến bản thân về hiện tượng xã hội vừa nghị luận. - Rút ra bài học về nhận thức và hành động cho bản thân
Bước 3 Tiến hành viết bài văn	- Dựa trên hệ thống các ý đã sắp xếp trong dàn ý, viết thành bài văn hoàn chỉnh. - Triển khai bài viết theo hệ thống luận điểm, luận cứ, luận chứng đã xây dựng (theo dàn ý).	- Dựa trên hệ thống các ý đã sắp xếp trong dàn ý, viết thành bài văn hoàn chỉnh. - Triển khai bài viết theo hệ thống luận điểm, luận cứ, luận chứng đã xây dựng (theo dàn ý).

	- Một bài NLXH thường có yêu cầu về số lượng câu chữ nên cần phân phối lượng thời gian làm bài sao cho phù hợp, tránh viết dài dòng, sa vào kể lể, giải thích vấn đề không cần thiết. Trên cơ sở dàn ý, cần luyện cách viết và trình bày sao cho ngắn gọn, mạch lạc, dễ hiểu và có tính thuyết phục cao.	- Một bài NLXH thường có yêu cầu về số lượng câu chữ nên cần phân phối lượng thời gian làm bài sao cho phù hợp, tránh viết dài dòng, sa vào kể lể, giải thích vấn đề không cần thiết. Trên cơ sở dàn ý, cần luyện cách viết và trình bày sao cho ngắn gọn, mạch lạc, dễ hiểu và có tính thuyết phục cao.
Bước 4 Đọc lại và sửa chữa để hoàn chỉnh bài viết	Đọc lại và sửa chữa để hoàn chỉnh bài viết	Đọc lại và sửa chữa để hoàn chỉnh bài viết

Năm là, tổng hợp những đoạn văn tốt để có một bài văn hoàn chỉnh. Đây là công đoạn cuối cùng và vô cùng ý nghĩa. Bởi sản phẩm cuối cùng là của cả tập thể. Mỗi học sinh thấy rằng mình đã có đóng góp vào bài Làm văn. Và quan trọng hơn cả là các em thấy rằng mình có đủ khả năng để lập ý, viết đoạn. Với cách thức tiến hành như thế, giáo viên sẽ có được một số bài viết tham khảo dành cho các em. Đến khi ôn tập sẽ có ít nhất 9 đến 10 bài văn hoàn chỉnh. Các em sẽ dần quen với cách thức tạo lập ý, tự tin khi viết đoạn. Đồng thời, các em cũng học tập lẫn nhau trong quá trình cùng nhau giải quyết một đề bài. Các em sẽ có niềm vui, niềm tin khi đọc lại những bài văn do chính mình làm nên. Đây là yếu tố tâm lý giúp các em sẽ giải quyết tốt những đề bài tương tự.

4. Kết luận

Tóm lại, muốn dạy tốt Làm văn NLXH, giáo viên phải có kinh nghiệm, tìm những

giải pháp phù hợp tạo hứng thú cho học sinh. Mặt khác, đòi hỏi học sinh phải tích lũy được những kiến thức xã hội, những hiểu biết nhất định trong cuộc sống,... Như vậy, có thể nói trong tất cả các phương pháp thì phương pháp dạy Làm văn NLXH theo quan điểm giao tiếp là thích hợp nhất, có thể giúp giáo viên dạy tốt, giúp học sinh học tốt văn NLXH.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê A, (2001), *Dạy Tiếng Việt là dạy một hoạt động và bằng hoạt động*, Tạp chí Ngôn ngữ số 4.
2. Phan Trọng Luận (Tổng chủ biên), (2007), *Ngữ văn 12*, tập 1, Nxb Giáo dục.
3. Nguyễn Khắc Phi (Tổng chủ biên), (2011), *Ngữ văn 9*, tập 2, Nxb Giáo dục Việt Nam.
4. Bùi Minh Toán, (1999), *Từ trong hoạt động giao tiếp*, Nxb Giáo dục.